

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Số: 101/2021-SCI/CBTT

Vv: CBTT Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ
năm 2021 đã được soát xét

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ
Liên, Hà Nội

Điện thoại : (+84-24) 3768 4495

Fax : (+84-24)3768 4490

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Dương Mạnh

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liên, Hà
Nội

Điện thoại : (+84-24)3768 4495

Fax : (+84-24)3768 4490

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát
xét.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:

<http://www.scigroup.vn/vi/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhân:

-Như trên

-HĐQT (b/c)

-VT;HCNS

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



The stamp is circular and red, containing the text: "Đ. M. S. D. N: 0101405355-C.T.C.P.", "CÔNG TY CỔ PHẦN SCI", and "NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI". A signature is written across the stamp.

Phan Dương Mạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10-46

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Chính Đại	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên	
Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30/06/2021)
Ông Nguyễn Việt Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Độ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ An Minh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021



CHI NHÁNH HÀ THÀNH - CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐÌNH GIÁ ATC

HA THANH BRANCH - ATC AUDITING AND VALUATION FIRM

Trụ sở chính: Tầng 8, tháp C, Tòa Central Point, số 219 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Văn phòng 1: Số 53, ngõ 378 phố Thụy Khuê, Phường Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội

Văn phòng 2: Số 66 phố Hà Trung, Phường Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel. (+84- 24) 3 991 7977 * Phone: 0913 120 996

Website: <http://www.atcf.vn>

Số: 2021.11.08.04/BCKT/ATC-HN

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SCI (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần SCI cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 16/03/2021. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần SCI cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này tại ngày 28/08/2020.

Chi nhánh Hà Thành - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC



Lý Trí Hùng - Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1648-2020-047-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.039.971.104.478	2.678.811.997.148
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	582.354.692.727	231.494.736.077
1. Tiền	111		317.354.692.727	219.494.736.077
2. Các khoản tương đương tiền	112		265.000.000.000	12.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.422.958.606	348.961.195.581
1. Chứng khoán kinh doanh	121		635.201.025	11.356.640.400
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(462.242.419)	(1.775.444.819)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.250.000.000	339.380.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.779.087.472.932	1.726.298.104.248
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.229.451.121.030	1.122.232.290.360
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	480.538.435.229	540.931.871.317
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	145.654.198.709	129.952.552.702
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(76.556.282.036)	(66.818.610.131)
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.540.177.881.496	345.216.011.398
1. Hàng tồn kho	141		1.540.177.881.496	345.216.011.398
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		134.928.098.717	26.841.949.844
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	67.312.761	620.391.414
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		134.778.614.523	26.126.911.620
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	82.171.433	94.646.810
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.421.124.305.510	1.333.953.846.374
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.166.504.552	5.046.284.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	5.166.504.552	5.046.284.000
II. Tài sản cố định	220		871.264.655.223	944.195.949.142
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	822.805.393.985	891.787.825.023
- Nguyên giá	222		1.254.934.793.560	1.254.962.442.802
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(432.129.399.575)	(363.174.617.779)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	48.406.136.301	52.339.582.528
- Nguyên giá	225		79.488.156.241	72.254.980.002
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(31.082.019.940)	(19.915.397.474)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	53.124.937	68.541.591
- Nguyên giá	228		452.500.000	452.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(399.375.063)	(383.958.409)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	401.174.048.779	329.303.181.933
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		401.174.048.779	329.303.181.933
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	121.757.159.200	39.370.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		71.600.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		41.337.159.200	30.550.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.820.000.000	8.820.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.761.937.756	16.038.431.299
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	6.589.235.484	6.001.339.230
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	34.a	15.172.702.272	10.037.092.069
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.461.095.409.988	4.012.765.843.522

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.422.376.809.881	2.949.581.375.893
I. Nợ ngắn hạn	310		3.405.224.850.412	2.078.004.492.003
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	820.476.258.520	217.647.718.790
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	867.055.934.831	1.034.237.395.408
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	29.278.453.552	33.783.167.693
4. Phải trả người lao động	314		21.401.150.065	42.034.942.897
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	7.981.139.128	87.732.417.829
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	82.758.012.131	74.453.493.011
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	1.552.000.031.150	572.757.846.599
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	6.808.863.248	10.484.219.759
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.465.007.787	4.873.290.017
II. Nợ dài hạn	330		1.017.151.959.469	871.576.883.890
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	56.815.000	56.815.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	795.309.306.498	779.689.737.397
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	34.b	23.048.734.517	16.442.310.987
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	198.737.103.454	75.388.020.506
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.038.718.600.107	1.063.184.467.629
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	1.038.718.600.107	1.063.184.467.629
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		524.267.230.000	524.267.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		524.267.230.000	524.267.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.440.966.769)	821.616.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		17.665.250.000	17.665.250.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.429.942.906	11.567.626.463
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		273.424.554.356	243.304.326.378
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		250.245.839.312	68.167.166.645
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.178.715.044	175.137.159.733
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		213.372.589.614	265.558.418.788
TONG CỘNG NGUỒN VON (440 = 300+ 400)	440		5.461.095.409.988	4.012.765.843.522


Lê Thị Nhung
Người lậpPhan Dương Mạnh
Kế toán trưởngNguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	2.539.430.851.762	531.083.856.036
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.539.430.851.762	531.083.856.036
4. Giá vốn hàng bán	11	27	2.323.202.235.574	261.464.680.551
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		216.228.616.188	269.619.175.485
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	35.875.008.262	8.300.102.773
7. Chi phí tài chính	22	29	70.001.231.832	107.886.648.466
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.102.560.504	48.932.359.663
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	37.167.729.886	46.706.279.174
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		144.934.662.732	123.326.350.618
12. Thu nhập khác	31	31	682.859.686	1.219.974.973
13. Chi phí khác	32	32	725.746.906	880.057.735
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(42.887.220)	339.917.238
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		144.891.775.512	123.666.267.856
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	27.404.810.028	21.317.193.973
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34.c	6.739.458.610	5.385.944.806
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>110.747.506.874</u>	<u>96.963.129.077</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		64.699.224.410	70.691.130.629
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		46.048.282.464	26.271.998.448
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.234	1.505



Lê Thị Nhung
Người lậpPhan Dương Mạnh
Kế toán trưởngNguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		144.891.775.512	123.666.267.856
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		80.829.162.306	74.833.775.891
- Các khoản dự phòng	03		128.098.195.942	37.162.378.748
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(11.307.250.997)	136.479.743
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.510.637.038)	(5.243.787.270)
- Chi phí lãi vay	06		53.102.560.504	48.932.359.663
14. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		392.103.806.229	279.487.474.631
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(94.336.681.983)	(660.172.282.538)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.194.961.870.098)	(136.130.698.726)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		291.077.209.664	641.247.357.852
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(64.310.065)	(493.857.240)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		10.721.439.375	105.875.771.367
- Tiền lãi vay đã trả	14		(52.048.154.114)	(48.664.631.109)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(28.806.268.200)	(2.560.605.969)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(18.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(676.314.829.192)	178.570.028.268
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(116.035.501.499)	(142.773.212.248)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.984.994.422	800.386.192
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(249.000.000.000)	(600.492.783.680)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		585.130.000.000	328.519.222.036
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(185.946.409.200)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.952.986.343	12.383.675.835
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		54.086.070.066	(401.562.711.865)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		50.013.662.051	95.813.910.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		3.034.999.798.176	656.599.040.476
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.028.162.098.147)	(377.373.418.903)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(11.975.946.377)	(5.608.965.625)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(70.477.198.400)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		974.398.217.303	369.430.565.948

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**(Theo phương pháp gián tiếp)***MÃ SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		352.169.458.177	146.437.882.351
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		231.494.736.077	109.099.626.864
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.309.501.527)	14.289
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	582.354.692.727	255.537.523.504




Lê Thị Nhung
Người lậpPhan Dương Mạnh
Kế toán trưởngNguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 03 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 524.267.230.000 đồng, vốn điều lệ trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 524.267.230.000 đồng; tương đương 52.426.723 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

Cấu trúc Tập đoàn**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 04 Công ty.
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2021 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	59,06%	59,06%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Nghệ An	79,54%	79,54%	Xây dựng thủy điện
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	65,00%	65,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	99,99%	99,99%	Xây dựng thủy điện
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Lai Châu	59,06%	59,06%	Xây lắp
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung	Quảng Trị	59,06%	59,06%	Xây lắp

(*) Sở hữu thông qua Công ty Cổ phần SCI E&C chiếm 100% Vốn chủ sở hữu tại các công ty này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó tối đa là 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo****Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị	04 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Phần mềm máy vi tính***

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

Bằng sáng chế và thương hiệu

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo****Doanh thu hợp đồng xây dựng***

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm Khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	8.233.787.828	5.861.999.910
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	309.120.904.899	213.632.736.167
Các khoản tương đương tiền	265.000.000.000	12.000.000.000
	582.354.692.727	231.494.736.077

Tại 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	3.250.000.000	3.250.000.000	339.380.000.000	339.380.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	3.250.000.000	3.250.000.000	1.380.000.000	1.380.000.000
Trái phiếu	-	-	308.000.000.000	308.000.000.000
Các khoản đầu tư khác	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư dài hạn	8.820.000.000	8.820.000.000	8.820.000.000	8.820.000.000
Trái phiếu (*)	8.820.000.000	8.820.000.000	8.820.000.000	8.820.000.000
	12.070.000.000	12.070.000.000	348.200.000.000	348.200.000.000

(*) Khoản đầu tư trái phiếu tại thời điểm 30/06/2021 là:

- Khoản đầu tư dài hạn trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) số lượng:
+ 182 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 đồng/trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu từ 21/12/2018 đến 21/12/2025;
+ 6 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 7 năm.
- Khoản đầu tư dài hạn trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) số lượng: 10.000 trái phiếu, mệnh giá: 100.000 đồng/ trái phiếu; kỳ hạn 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu	635.201.025	172.985.900	(462.242.419)	11.356.640.400	12.548.213.500	(1.775.444.819)
GEX	175.656	202.950	-	175.656	202.950	-
SDA	-	-	-	2.963.994.800	1.733.330.000	(1.230.664.800)
MHC	-	-	-	7.758.009.375	10.725.000.000	-
Cổ phiếu khác	635.025.369	172.782.950	(462.242.419)	634.460.569	89.680.550	(544.780.019)
	635.201.025	172.985.900	(462.242.419)	11.356.640.400	12.548.213.500	(1.775.444.819)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	71.600.000.000	71.600.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh	71.600.000.000	71.600.000.000	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	41.337.159.200	41.337.159.200	-	30.550.000.000	30.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	-	550.000.000	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển Đô thị Fecon	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành lưới điện 110 KV Lai Châu	10.787.159.200	10.787.159.200	-	-	-	-
	112.937.159.200	112.937.159.200	-	30.550.000.000	30.550.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8 (*)	Quảng Trị	20%	20%	Xây dựng điện gió

(*) Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8 đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển Đô thị Fecon	Hà Nội	8,00%	8,00%	Phát triển thi công các dự án hạ tầng, giao
Công ty Cổ phần Quản lý và Vận hành lưới điện 110 KV Lai Châu	Hà Nội	17,38%	17,38%	Đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	79.751.883.066	87.494.043.894
Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La	16.020.552.948	16.020.552.948
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	4.858.120.349	4.858.120.349
Nam Sam 3 Power Company Limited	304.282.640.377	325.151.157.630
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Sông Đà, Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	6.701.919.101	6.701.919.101
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	45.772.580.674	50.268.408.184
Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận	-	1.230.542.536
Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex	-	450.000.000
Công ty CP Năng lượng Gelex Quảng Trị	418.364.322.182	260.851.580.160
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	-	243.818.297.049
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 7	285.064.937.382	38.971.611.577
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	25.133.975.697	35.949.282.545
Công ty CP Công trình Ngầm Việt Nam - XD Thủy điện	-	3.024.338.346
Phải thu khách hàng khác	43.500.189.254	47.442.436.041
	1.229.451.121.030	1.122.232.290.360
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	25.133.975.697	35.949.282.545
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)</i>		

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Enercon GmbH	92.732.727.579	-	341.989.975.955	-
Công ty CP tập đoàn TOJI	54.829.712.960	-	-	-
Voith Hydro Private Limited	33.140.870.619	-	17.731.631.513	-
Công ty Cổ phần Trường Danh	3.722.386.991	-	4.811.953.677	-
Công ty CP Thiết bị và Dịch vụ TCE	62.401.541.265	-	64.064.130.100	-
Công ty CP Thiết bị điện	48.672.057.148	-	30.954.802.949	-
Nam Sam 3 Power Company Limited	6.606.522.461	-	2.343.727.808	-
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Vietranstimex	22.083.302.759	-	13.925.000.000	-
Trả trước khác	156.349.313.447	-	65.110.649.315	-
	480.538.435.229	-	540.931.871.317	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***9 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.322.332.667	-	11.802.579.515	-
Phải thu người lao động	2.423.657.782	-	2.724.607.844	-
Phải thu về KPCĐ	-	-	6.451.250	-
Phải thu về BHXH	22.772.728	-	30.818.456	-
Tạm ứng	51.110.221.716	-	35.421.857.632	-
Ký cược, ký quỹ	63.500.000	-	73.500.000	-
Vật tư ứng cho thầu phụ	4.997.006.649	-	-	-
Phải thu tiền điện, thuế tài nguyên nước và dịch vụ môi trường rừng	12.398.225.178	-	15.294.678.464	-
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng Dự án Thủy	31.995.519.663	-	31.995.519.663	-
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	5.327.568.000	-	2.332.000.000	-
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	9.392.490.197	-	5.483.742.274	-
Phải thu khác	26.600.904.129	(383.541.210)	24.786.797.604	(4.939.698.164)
	145.654.198.709	(383.541.210)	129.952.552.702	(4.939.698.164)
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	5.166.504.552	-	5.046.284.000	-
	5.166.504.552	-	5.046.284.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***10 . NỢ XẤU**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	120.361.637.012	43.805.354.976	140.325.819.945	73.507.209.814
<i>Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La</i>	16.020.552.948	-	16.020.552.948	3.377.659.885
<i>Công ty CP Xây lắp và phát triển Thành Nam</i>	6.248.083.094	-	6.248.083.094	-
<i>Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68</i>	3.425.189.422	-	3.425.189.422	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i>	-	-	7.589.191.360	4.201.784.044
<i>Liên danh CMC/Sông Đà/JV</i>	79.751.883.066	41.702.974.045	87.494.043.894	62.430.359.975
<i>Đối tượng khác</i>	14.915.928.482	2.102.380.931	19.548.759.227	3.497.405.910
	120.361.637.012	43.805.354.976	140.325.819.945	73.507.209.814

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	162.593.605.700	-	100.084.406.414	-
Công cụ, dụng cụ	2.200.685.371	-	2.200.685.371	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.375.383.590.425	-	242.930.919.613	-
	1.540.177.881.496	-	345.216.011.398	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

12 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	384.449.011.779	329.303.181.933
Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Luân, Điện Biên	-	-
Dự án Nhà máy Thủy điện Ca Nan	918.697.471	918.697.471
Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Xe	15.607.468.802	14.427.289.759
Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Lum 1	52.469.519.329	41.012.684.632
Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Lum 2	303.277.900.328	260.744.914.510
Chi phí quản lý dự án chưa phân bổ	10.892.278.288	10.916.448.000
Dự án điện gió Quảng Trị	1.283.147.561	1.283.147.561
Mua sắm tài sản cố định	16.725.037.000	-
Mua sắm tài sản cố định mới	16.725.037.000	-
	<u>401.174.048.779</u>	<u>329.303.181.933</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2021	510.876.422.870	591.765.428.669	150.164.808.454	2.019.782.809	136.000.000	1.254.962.442.802
Mua sắm	-	5.774.181.818	702.818.182	217.400.000	-	6.694.400.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.722.049.242)	-	-	-	(6.722.049.242)
Tại ngày 30/06/2021	510.876.422.870	590.817.561.245	150.867.626.636	2.237.182.809	136.000.000	1.254.934.793.560
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2021	73.708.778.095	201.820.520.324	86.362.845.809	1.169.140.251	113.333.300	363.174.617.779
Trích khấu hao	18.112.710.981	40.846.877.876	10.302.512.897	274.425.066	22.666.700	69.559.193.520
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	128.666.666	-	-	-	128.666.666
Thanh lý, nhượng bán	-	(733.078.390)	-	-	-	(733.078.390)
Tại ngày 30/06/2021	91.821.489.076	242.062.986.476	96.665.358.706	1.443.565.317	136.000.000	432.129.399.575
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	437.167.644.775	389.944.908.345	63.801.962.645	850.642.558	22.666.700	891.787.825.023
Tại ngày 30/06/2021	419.054.933.794	348.754.574.769	54.202.267.930	793.617.492	-	822.805.393.985

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 795.846.246.417 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 118.698.979.875 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	62.276.055.093	9.978.924.909	72.254.980.002
Thuê tài chính	7.934.994.421	-	7.934.994.421
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(701.818.182)	(701.818.182)
Tại ngày 30/06/2021	70.211.049.514	9.277.106.727	79.488.156.241
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	19.164.072.454	751.325.020	19.915.397.474
Trích khấu hao	10.028.391.710	1.266.897.422	11.295.289.132
Giảm khác	-	(128.666.666)	(128.666.666)
Tại ngày 30/06/2021	29.192.464.164	1.889.555.776	31.082.019.940
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	43.111.982.639	9.227.599.889	52.339.582.528
Tại ngày 30/06/2021	41.018.585.350	7.387.550.951	48.406.136.301

15 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu, thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	250.000.000	202.500.000	452.500.000
Tại ngày 30/06/2021	250.000.000	202.500.000	452.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	190.625.061	193.333.348	383.958.409
Trích khấu hao	6.250.002	9.166.652	15.416.654
Tại ngày 30/06/2021	196.875.063	202.500.000	399.375.063
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	59.374.939	9.166.652	68.541.591
Tại ngày 30/06/2021	53.124.937	-	53.124.937

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	65.468.922	602.391.416
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.843.839	17.999.998
	67.312.761	620.391.414
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.270.599.753	1.870.219.103
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.318.635.731	4.131.120.127
	6.589.235.484	6.001.339.230

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

17 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty CP DVC Việt Nam	23.127.218.885	23.127.218.885	11.087.708.401	11.087.708.401
Công ty TNHH Đại Minh	4.498.365.282	4.498.365.282	4.498.365.282	4.498.365.282
Công ty TNHH Xây dựng TM dịch vụ D.N.T Enercon GmbH	7.933.421.707	7.933.421.707	7.933.421.707	7.933.421.707
Công ty CP vận tải đa phương thức Vietranstimex	406.929.995.263	406.929.995.263	-	-
Voith Hydro Private Limited	52.946.298.354	52.946.298.354	1.090.623.100	1.090.623.100
Phouthareune Construction Co.Ltd	22.831.240.082	22.831.240.082	5.191.315.574	5.191.315.574
Công ty TNHH Xây dựng Sơn Hải	73.846.710.000	73.846.710.000	-	-
Công ty CP Trường Danh	7.128.677.137	7.128.677.137	9.723.394.655	9.723.394.655
Công ty CP SX và Kinh doanh Thép Công nghiệp Miền Bắc	5.110.851.419	5.110.851.419	6.700.418.105	6.700.418.105
Công ty CP Thương mại và Sản xuất HTD	10.933.473.185	10.933.473.185	8.410.065.857	8.410.065.857
Công ty TNHH Lộc Phát	3.918.759.397	3.918.759.397	9.358.736.707	9.358.736.707
Công ty CP Công trình ngầm Việt Nam - Xây dựng Thủy điện	5.121.606.050	5.121.606.050	17.177.165.643	17.177.165.643
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
	196.149.641.759	196.149.641.759	136.476.503.759	136.476.503.759
	820.476.258.520	820.476.258.520	217.647.718.790	217.647.718.790

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nam Sam 3 Power Company Limited	46.275.696.105	46.275.696.105
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	13.588.401.399
Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX	-	-
Công ty TNHH MTV Thủy điện Miền Đồi	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	417.712.999.005	471.060.049.797
Công ty CP năng lượng Gelex Quảng Trị	-	259.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 7	153.638.975.331	127.534.685.777
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	211.797.194.697	104.861.794.145
Các đối tượng khác	37.281.069.693	11.566.768.185
	867.055.934.831	1.034.237.395.408

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	16.101.987	1.728.546.824	253.154.237.045	253.634.168.369	-	1.232.513.513
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	76.598.440	76.598.440	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	28.740.412.076	27.404.810.028	28.805.308.240	-	27.339.913.864
Thuế Thu nhập cá nhân	37.209.768	679.058.047	5.069.354.117	5.469.259.421	82.171.433	322.820.461
Thuế Tài nguyên	-	1.439.450.131	3.558.103.984	4.660.267.876	-	337.286.239
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	41.335.055	-	42.459.480	-	-	1.124.425
Các loại thuế khác	-	5.190.507	32.775.887	32.775.887	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.190.510.108	1.038.378.654	2.189.284.219	-	39.604.543
	94.646.810	33.783.167.693	290.376.717.635	294.867.662.452	82.171.433	29.278.453.552

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.481.663.119	3.379.589.889
Trích trước chi phí các công trình, dự án	2.499.476.009	84.286.375.735
Chi phí phải trả khác	-	66.452.205
	<u>7.981.139.128</u>	<u>87.732.417.829</u>

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	1.565.468.821	1.248.087.709
Bảo hiểm xã hội	5.495.760	26.553.115
Bảo hiểm y tế	5.714.653	-
Bảo hiểm thất nghiệp	795.181	-
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	-	20.513.137.597
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	19.467.450.353	97.923.500
Tiền hợp tác triển khai đường dây đầu nối các dự án thủy điện	4.500.000.000	4.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.342.555.600	-
Phải trả tiền nhân công đội xây dựng	48.044.991.137	41.487.060.229
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.825.540.626	6.580.730.861
	<u>82.758.012.131</u>	<u>74.453.493.011</u>
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	<u>56.815.000</u>	<u>56.815.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	477.818.535.099	477.818.535.099	2.961.201.884.663	1.990.211.930.460	1.459.808.489.302	1.459.808.489.302
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	77.730.600.000	77.730.600.000	44.952.651.035	49.025.767.687	73.657.483.348	73.657.483.348
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	17.208.711.500	17.208.711.500	10.946.111.750	9.620.764.750	18.534.058.500	18.534.058.500
	572.757.846.599	572.757.846.599	3.017.100.647.448	2.048.858.462.897	1.552.000.031.150	1.552.000.031.150
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	819.710.750.872	819.710.750.872	65.654.563.886	49.025.767.687	836.339.547.071	836.339.547.071
Nợ thuê tài chính dài hạn	54.918.298.025	54.918.298.025	8.218.949.627	11.975.946.377	51.161.301.275	51.161.301.275
	874.629.048.897	874.629.048.897	73.873.513.513	61.001.714.064	887.500.848.346	887.500.848.346
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	94.939.311.500	94.939.311.500	55.898.762.785	58.646.532.437	92.191.541.848	92.191.541.848
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	779.689.737.397	779.689.737.397			795.309.306.498	795.309.306.498

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Hình thức đảm bảo	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Khoản vay ngắn hạn của Công ty CP SCI E&C				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	VND	Tài sản đảm bảo	1.348.537.909.402	406.027.762.901
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh	VND	Tài sản đảm bảo	10.270.579.900	37.290.772.198
Vay ngắn hạn cá nhân	VND	Tín chấp	101.000.000.000	31.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO & MORE	VND	Tín chấp	-	2.000.000.000
Khoản vay dài hạn đến hạn trả và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty CP SCI E&C				
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST - CN Hà Nội	VND	Tài sản đảm bảo	9.915.737.500	9.915.737.500
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Tài sản đảm bảo	7.606.740.000	6.281.392.000
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	Tài sản đảm bảo	1.011.581.000	1.011.582.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	VND	Tài sản đảm bảo	33.378.428.873	36.545.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh	VND	Tài sản đảm bảo	3.647.854.475	5.154.400.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	VND	Tài sản đảm bảo	120.000.000	120.000.000
Khoản vay dài hạn đến hạn trả của Công ty TNHH SCI Nghệ An				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh HCM	VND	Tài sản đảm bảo	36.360.000.000	35.760.000.000
Khoản vay dài hạn đến hạn trả của Công ty cổ phần Tư vấn SCI				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	VND	Tài sản đảm bảo	151.200.000	1.151.200.000
			1.552.000.031.150	572.757.846.599

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Hình thức đảm bảo	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Khoản vay ngắn hạn của Công ty CP Tư vấn SCI				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh	VND	Tài sản đảm bảo	602.800.000	678.400.000
Khoản vay dài hạn của Công ty CP SCI E&C				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	VND	Tài sản đảm bảo	69.066.060.563	97.281.060.563
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh	VND	Tài sản đảm bảo	4.876.755.000	7.671.922.687
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	VND	Tài sản đảm bảo	1.390.766.300	1.450.766.300
Nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty CP SCI E&C				
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST - CN Hà Nội	VND	Tài sản đảm bảo	26.711.596.875	31.669.465.625
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Tài sản đảm bảo	20.909.166.400	18.190.922.400
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	Tài sản đảm bảo	3.540.538.000	5.057.910.000
Khoản vay dài hạn của Công ty CP SCI Lai Châu				
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	VND	Tài sản đảm bảo	281.385.576.356	215.731.012.470
Khoản vay dài hạn của Công ty TNHH SCI Nghệ An				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh HCM	VND	Tài sản đảm bảo	479.017.588.852	496.897.588.852
			887.500.848.346	874.629.048.897
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			92.191.541.848	94.939.311.500
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			795.309.306.498	779.689.737.397

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Quỹ tiền lương dự phòng	6.808.863.248	10.484.219.759
	<u>6.808.863.248</u>	<u>10.484.219.759</u>
b) Dự phòng phải trả dài hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	198.737.103.454	75.388.020.506
	<u>198.737.103.454</u>	<u>75.388.020.506</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020							
Tại ngày 01/01/2020	428.292.770.000	982.166.000	12.705.000.000	11.567.626.463	74.239.531.799	188.949.154.123	716.736.248.385
Tăng vốn trong kỳ trước	95.974.460.000	(160.550.000)	-	-	-	-	95.813.910.000
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	175.137.159.733	77.375.351.515	252.512.511.248
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(1.017.734.904)	(664.467.100)	(1.682.202.004)
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(94.380.250)	(61.619.750)	(156.000.000)
Giảm khác	-	-	4.960.250.000	-	(4.960.250.000)	(40.000.000)	(40.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	524.267.230.000	821.616.000	17.665.250.000	11.567.626.463	243.304.326.378	265.558.418.788	1.063.184.467.629
Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021							
Tại ngày 01/01/2021	524.267.230.000	821.616.000	17.665.250.000	11.567.626.463	243.304.326.378	265.558.418.788	1.063.184.467.629
Tăng vốn tại Công ty Con	-	(2.262.582.769)	-	-	-	52.276.244.820	50.013.662.051
Công ty mẹ mua lại vốn Công ty con	-	-	-	-	(41.520.509.366)	(63.370.740.634)	(104.891.250.000)
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	64.699.224.410	46.048.282.464	110.747.506.874
Trích lập các quỹ các Công ty con	-	-	-	-	(4.454.299.313)	(3.087.706.117)	(7.542.005.430)
Trích lập các quỹ ở Công ty mẹ	-	-	-	-	(5.242.672.300)	-	(5.242.672.300)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(72.819.754.000)	(72.819.754.000)
Thay đổi tỷ lệ vốn chủ sở hữu tại các	-	-	-	-	(445.917.615)	445.917.615	-
Thay đổi tỷ lệ vốn chủ sở hữu tại							
SCI E&C	-	-	-	(137.683.557)	3.505.777.174	(3.368.093.617)	-
Tăng giảm khác	-	-	-	-	13.578.624.988	(8.309.979.705)	5.268.645.283
Tại ngày 30/06/2021	524.267.230.000	(1.440.966.769)	17.665.250.000	11.429.942.906	273.424.554.356	213.372.589.614	1.038.718.600.107

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2021 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2021 VND
Ông Nguyễn Công Hùng	20,92%	109.686.690.000	10,92%	57.259.970.000
Vốn góp của các cổ đông khác	79,08%	414.580.540.000	89,08%	467.007.260.000
	100%	524.267.230.000	100%	524.267.230.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	524.267.230.000	524.267.230.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	524.267.230.000	428.292.770.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	95.974.460.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	524.267.230.000	524.267.230.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	52.426.723	52.426.723
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	52.426.723	52.426.723
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	52.426.723	52.426.723
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.426.723	52.426.723
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	52.426.723	52.426.723
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.429.942.906	11.567.626.463
	11.429.942.906	11.567.626.463

25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2021	01/01/2021
Đồng đô la Mỹ (USD)	20.168,33	2.482.002,65
Kip Lào	8.939.252.675,00	664.376.395,00

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

26 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	92.853.789.644	55.591.035.985
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.446.577.062.118	475.492.820.051
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	2.446.577.062.118	475.492.820.051
	2.539.430.851.762	531.083.856.036
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)	85.710.014.182	-

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	61.542.251.686	36.743.144.311
Giá vốn hợp đồng xây dựng	2.261.659.983.888	224.721.536.240
	2.323.202.235.574	261.464.680.551

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.633.535.348	4.838.080.280
Lãi bán các khoản đầu tư	7.773.512.008	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.259.154.300	3.462.022.493
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	12.208.806.606	-
	35.875.008.262	8.300.102.773

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	53.102.560.504	48.932.359.663
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	8.723.046.039	48.297.299.210
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.388.682.967	610.245.395
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	136.479.743
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.313.202.400)	8.818.576.381
Chi phí tài chính khác	100.144.722	1.091.688.074
	70.001.231.832	107.886.648.466

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phương Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	6.019.412.979	1.528.693.626
Chi phí nhân công	11.453.776.959	10.794.620.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.291.326.320	4.944.490.917
Thuế, phí, lệ phí	4.926.128.011	1.008.999.057
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	6.062.315.394	22.994.434.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.520.484.763	3.342.797.282
Chi phí khác bằng tiền	1.894.285.460	2.092.242.967
	37.167.729.886	46.706.279.174

31 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	728.616.718
Thu nhập khác	682.859.686	491.358.255
	682.859.686	1.219.974.973

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.976.430	322.909.728
Chi phí không hợp lý hợp lệ	72.208.037	150.327.825
Chi phí khác	649.562.439	406.820.182
	725.746.906	880.057.735

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.404.810.028	21.317.193.973
	27.404.810.028	21.317.193.973

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	15.172.702.272	10.037.092.069
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15.172.702.272	10.037.092.069

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	23.048.734.517	16.442.310.987
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	23.048.734.517	16.442.310.987

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	6.739.458.610	5.385.944.806
	6.739.458.610	5.385.944.806

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	64.699.224.410	70.691.130.629
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	64.699.224.410	70.691.130.629
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	52.426.723	46.965.193
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.234	1.505

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.558.964.427.772	225.766.591.895
Chi phí nhân công	243.767.823.375	98.857.507.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.869.899.306	74.833.775.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	816.122.444.779	635.070.644.497
Chi phí khác bằng tiền	6.969.402.268	30.037.347.660
	3.706.693.997.500	1.064.565.867.244

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương	582.354.692.727	-	231.494.736.077	-
Phải thu khách hàng,	1.380.271.824.291	(76.556.282.036)	1.257.231.127.062	(66.818.610.131)
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	3.885.201.025	(462.242.419)	350.736.640.400	(1.775.444.819)
Đầu tư dài hạn	50.157.159.200	-	39.370.000.000	-
	2.016.668.877.243	(77.018.524.455)	1.878.832.503.539	(68.594.054.950)

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	2.347.309.337.648	1.352.447.583.996
Phải trả người bán, phải trả khác	903.291.085.651	292.158.026.801
Chi phí phải trả	7.981.139.128	87.732.417.829
	3.258.581.562.427	1.732.338.028.626

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

8-0
HÀN
HÀP
Y.T.P
EM
NH
TC
-T-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và các khoản tương	582.354.692.727	-	-	582.354.692.727
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.298.549.037.703	5.166.504.552	-	1.303.715.542.255
Đầu tư ngắn hạn	3.422.958.606	-	-	3.422.958.606
Đầu tư dài hạn	-	50.157.159.200	-	50.157.159.200
	1.884.326.689.036	55.323.663.752	-	1.939.650.352.788
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương	231.494.736.077	-	-	231.494.736.077
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.185.366.232.931	5.046.284.000	-	1.190.412.516.931
Đầu tư ngắn hạn	348.961.195.581	-	-	348.961.195.581
Đầu tư dài hạn	-	39.370.000.000	-	39.370.000.000
	1.765.822.164.589	44.416.284.000	-	1.810.238.448.589

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 30/06/2021				
Vay và nợ	1.552.000.031.150	795.309.306.498	-	2.347.309.337.648
Phải trả người bán, phải	903.234.270.651	56.815.000	-	903.291.085.651
Chi phí phải trả	7.981.139.128	-	-	7.981.139.128
	<u>2.463.215.440.929</u>	<u>795.366.121.498</u>	<u>-</u>	<u>3.258.581.562.427</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	572.757.846.599	779.689.737.397	-	1.352.447.583.996
Phải trả người bán, phải	292.101.211.801	56.815.000	-	292.158.026.801
Chi phí phải trả	87.732.417.829	-	-	87.732.417.829
	<u>952.591.476.229</u>	<u>779.746.552.397</u>	<u>-</u>	<u>1.732.338.028.626</u>

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 98% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Theo khu vực địa lý

	<u>Trong nước</u> VND	<u>Nước ngoài</u> VND	<u>Tổng cộng toàn</u> <u>doanh nghiệp</u> VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.256.438.595.197	282.992.256.565	2.539.430.851.762
Tài sản bộ phận	4.920.001.952.011	541.093.457.977	5.461.095.409.988
Tổng chi phí mua TSCĐ	14.411.994.421	-	14.411.994.421



CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	Công ty liên kết	85.710.014.182	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	Công ty liên kết	25.133.975.697	35.949.282.545

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		821.388.000	865.547.727
Ông Nguyễn Công Hùng		240.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Chính Đại		48.000.000	48.000.000
Ông Đoàn Thế Anh		48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Minh Hùng		48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Phúc		288.582.000	375.818.409
Ông Phạm Văn Nghĩa		49.602.000	105.729.318
Ông Nguyễn Văn Độ		49.602.000	-
Ông Vũ An Minh		49.602.000	-

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Lê Thị Nhung
Người lậpPhan Dương Mạnh
Kế toán trưởngNguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021